

Đề thi thử Tốt nghiệp THPT 2025 – Địa lí (Đề số 1)

Môn: Địa lí · Lớp 12 · Thời gian làm bài: 50 phút · Số câu: 28

Họ và tên: Lớp: Số báo danh:

Đề thi thử theo cấu trúc đề minh họa 2025: 18 câu nhiều lựa chọn, 4 câu Đúng/Sai, 6 câu trả lời ngắn.

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. (0,25 điểm) Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo

- A. Triều Tiên B. Ấn Độ C. Đông Dương D. Mã Lai

Câu 2. (0,25 điểm) Khí hậu Việt Nam có đặc điểm là

- A. nhiệt đới khô hạn B. nhiệt đới ẩm gió mùa
C. ôn đới hải dương D. cận nhiệt địa trung hải

Câu 3. (0,25 điểm) Đường bờ biển nước ta dài khoảng

- A. 3260 km B. 1650 km C. 4550 km D. 2360 km

Câu 4. (0,25 điểm) Gió mùa mùa đông hoạt động ở miền Bắc nước ta có hướng chủ yếu là

- A. đông nam B. tây bắc C. đông bắc D. tây nam

Câu 5. (0,25 điểm) Dãy núi cao nhất nước ta là

- A. Bạch Mã B. Hoàng Liên Sơn C. Trường Sơn Bắc D. Con Voi

Câu 6. (0,25 điểm) Đồng bằng có diện tích lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long B. Đồng bằng sông Hồng
C. Đồng bằng Thanh Hóa D. Đồng bằng Nam Bộ ven biển miền Trung

Câu 7. (0,25 điểm) Nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi nước ta là

- A. đất phèn B. đất mặn C. đất feralit D. đất phù sa

Câu 8. (0,25 điểm) Năm 2023, quy mô dân số Việt Nam vào khoảng

- A. 70 triệu người B. 100 triệu người C. 80 triệu người D. 120 triệu người

Câu 9. (0,25 điểm) Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng B. Đông Nam Bộ
C. Tây Nguyên D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 10. (0,25 điểm) Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành kinh tế ở nước ta là

- A. giảm tỉ trọng dịch vụ
B. giảm tỉ trọng công nghiệp – xây dựng
C. giảm tỉ trọng nông, lâm, thủy sản; tăng công nghiệp – xây dựng và dịch vụ
D. tăng tỉ trọng nông, lâm, thủy sản

- Câu 11.** (0,25 điểm) Vùng trồng cà phê lớn nhất nước ta là
- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ

B. Tây Nguyên

C. Đông Nam Bộ

D. Bắc Trung Bộ
- Câu 12.** (0,25 điểm) Vùng trọng điểm sản xuất lúa lớn nhất nước ta là
- A. Đồng bằng sông Cửu Long

B. Đồng bằng sông Hồng

C. Duyên hải Nam Trung Bộ

D. Bắc Trung Bộ
- Câu 13.** (0,25 điểm) Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất nước ta hiện nay là
- A. Lai Châu

B. Trị An

C. Sơn La

D. Hòa Bình
- Câu 14.** (0,25 điểm) Tuyến đường bộ dài nhất nước ta, chạy từ Lạng Sơn đến Cà Mau là
- A. Quốc lộ 5

B. Quốc lộ 1

C. Đường Hồ Chí Minh

D. Quốc lộ 14
- Câu 15.** (0,25 điểm) Vịnh Hạ Long – Di sản thiên nhiên thế giới thuộc tỉnh
- A. Quảng Ninh

B. Hải Phòng

C. Thái Bình

D. Nam Định
- Câu 16.** (0,25 điểm) Than đá ở nước ta tập trung chủ yếu ở
- A. Lạng Sơn

B. Cà Mau

C. Quảng Ninh

D. Thái Nguyên
- Câu 17.** (0,25 điểm) Vùng dẫn đầu cả nước về khai thác dầu khí là
- A. Tây Nguyên

B. Đông Nam Bộ

C. Đồng bằng sông Hồng

D. Bắc Trung Bộ
- Câu 18.** (0,25 điểm) Sa Huỳnh và Cà Ná là những nơi nổi tiếng về
- A. sản xuất muối

B. khai thác dầu khí

C. khai thác titan

D. nuôi trồng ngọc trai

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai

- Câu 19.** (1 điểm) Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất và cao nhất năm của Hà Nội: tháng I 16,4 °C, tháng VII 28,9 °C; của TP. Hồ Chí Minh: tháng I 25,8 °C, tháng IV 28,8 °C.
- (Đánh dấu X vào ô Đ (đúng) hoặc S (sai) cho từng ý)

Ý	Nội dung	Đ	S
a)	Biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội lớn hơn của TP. Hồ Chí Minh.	☐	☐
b)	Hà Nội có một mùa đông lạnh.	☐	☐
c)	Nhiệt độ tháng I của TP. Hồ Chí Minh thấp hơn của Hà Nội.	☐	☐
d)	Biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội là 12,5 °C.	☐	☐

Câu 20. (1 điểm) Cho thông tin: Năm 2023, dân số Việt Nam khoảng 100,3 triệu người, tỉ lệ dân thành thị khoảng 38%. Nước ta đang trong thời kì cơ cấu dân số vàng và bắt đầu quá trình già hóa dân số.

(Đánh dấu X vào ô Đ (đúng) hoặc S (sai) cho từng ý)

Ý	Nội dung	Đ	S
a)	Việt Nam có quy mô dân số lớn.	☐	☐
b)	Dân cư nước ta phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi.	☐	☐
c)	Tỉ lệ dân thành thị của nước ta cao hơn tỉ lệ dân nông thôn.	☐	☐
d)	Cơ cấu dân số nước ta có xu hướng già hóa.	☐	☐

Câu 21. (1 điểm) Cho thông tin: Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lương thực, thủy sản lớn nhất cả nước, nhưng đang chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn.

(Đánh dấu X vào ô Đ (đúng) hoặc S (sai) cho từng ý)

Ý	Nội dung	Đ	S
a)	Đồng bằng sông Cửu Long là vùng sản xuất lúa lớn nhất nước ta.	☐	☐
b)	Xâm nhập mặn ở vùng ngày càng nghiêm trọng.	☐	☐
c)	Vùng có trữ lượng than đá lớn nhất nước ta.	☐	☐
d)	Đất phèn và đất mặn chiếm diện tích lớn ở vùng.	☐	☐

Câu 22. (1 điểm) Cho thông tin: Vùng biển nước ta có diện tích khoảng 1 triệu km² với hàng nghìn đảo lớn nhỏ, trong đó có hai quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa.

(Đánh dấu X vào ô Đ (đúng) hoặc S (sai) cho từng ý)

Ý	Nội dung	Đ	S
a)	Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo xa bờ của Việt Nam.	☐	☐
b)	Quần đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng.	☐	☐
c)	Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.	☐	☐
d)	Biển Đông là vùng biển ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.	☐	☐

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 23. (0,25 điểm) Một tỉnh có dân số 1,2 triệu người, diện tích 4000 km². Tính mật độ dân số của tỉnh (người/km²).

Trả lời:

Câu 24. (0,25 điểm) Năm 2022, tỉ suất sinh thô của một địa phương là 15‰, tỉ suất tử thô là 6‰. Tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên (đơn vị: %).

Trả lời:

Câu 25. (0,25 điểm) Năm 2022, sản lượng lúa của nước ta khoảng 24,0 triệu tấn trên diện tích khoảng 3,9 triệu ha (giả định). Tính năng suất lúa (tạ/ha, làm tròn đến hàng phần mười).

Trả lời:

Câu 26. (0,25 điểm) Năm 2023, trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta khoảng 355 tỉ USD, nhập khẩu khoảng 327 tỉ USD. Tính cán cân xuất nhập khẩu (tỉ USD).

Trả lời:

Câu 27. (0,25 điểm) Sản lượng thủy sản của một tỉnh năm 2015 là 20 nghìn tấn, năm 2022 là 27 nghìn tấn. Sản lượng năm 2022 tăng bao nhiêu phần trăm so với năm 2015?

Trả lời:

Câu 28. (0,25 điểm) Năm 2023, nước ta có 100,3 triệu dân, trong đó dân thành thị là 38,1 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị (% , làm tròn đến hàng đơn vị).

Trả lời:

— HẾT —